

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN KAFI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1166.25

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

1.0 Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

- Mã chứng khoán: 049
- Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: (028) 71029898 Fax: (028) 39991198

2.0 Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("**Công ty**") công bố Báo cáo thường niên năm 2024.

3.0 Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2025 tại đường dẫn <https://www.kafi.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ QUANG TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

Năm 2024



MỤC LỤC

TỔNG QUAN	04
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	04
Dấu ấn hoạt động	06
Thông tin doanh nghiệp	07
Ngành nghề kinh doanh	07
Mạng lưới hoạt động	07
Quá trình hình thành và phát triển	08
Cơ cấu Công ty và bộ máy tổ chức	09
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	11
Kết quả kinh doanh	11
Tổ chức và nhân sự	14
Cơ cấu cổ đông	15
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	16
Môi trường kinh doanh	16
Định hướng phát triển	16
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	18
Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	18
Báo cáo của Ban kiểm soát	24
Báo cáo thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc	25
Quản trị rủi ro	25
Báo cáo phát triển bền vững	26
Báo cáo khác	27

Danh mục từ viết tắt

BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty cổ phần
CW	Chứng quyền có bảo đảm
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
HĐQT	Hội đồng quản trị
KAFI/Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI
PGD	Phòng giao dịch
TGĐ	Tổng giám đốc
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tổng quan

1.0 Thông điệp Chủ tịch HĐQT

Kính gửi: Quý cổ đông, Đối tác và Khách hàng,

- Năm 2024 đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán. Thanh khoản gia tăng, niềm tin nhà đầu tư được củng cố, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của thị trường vốn. Trong bối cảnh đó, KAFI đã có bước tiến đột phá, đặc biệt trong ứng dụng công nghệ và phát triển các sản phẩm tài chính sáng tạo, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.
- Trong năm qua, chúng tôi đã kiên định theo đuổi 5 định hướng chiến lược, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn của KAFI:
 - Thu hút khách hàng, mở rộng quy mô, nâng cao trải nghiệm dịch vụ, hướng tới chuẩn mực quốc tế.
 - Phát triển sản phẩm thông minh và sáng tạo, giúp nhà đầu tư tăng trải nghiệm và tối ưu hóa lợi nhuận.
 - Tiên phong số hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giao dịch, quản lý tài chính và tự động hóa vận hành
 - Đẩy mạnh truyền thông, gia tăng nhận diện thương hiệu và kết nối chặt chẽ với nhà đầu tư
 - Quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn và bền vững.
- Những thành tựu kinh doanh vượt trội trong năm qua đã giúp KAFI đạt được nhiều giải thưởng danh giá, ghi nhận những nỗ lực không ngừng của tập thể công ty. Đặc biệt, chúng tôi vinh dự được trao tặng:
 - Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu – Khẳng định vai trò tiên phong trong cung cấp dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và đáng tin cậy
 - Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu – Ghi nhận những đột phá trong ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa hệ thống tài chính – chứng khoán
- Bước sang năm 2025, KAFI chính thức chuyển mình mạnh mẽ với chiến lược “KAFI 2.0 – Tăng trưởng năng động”, hướng tới mục tiêu trở thành công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục đổi mới, ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech), mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ và xây dựng hệ sinh thái đầu tư toàn diện. Cụ thể, KAFI tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như sau:
 - Môi giới chứng khoán – Cung cấp bộ sản phẩm, dịch vụ môi giới chứng khoán chuyên nghiệp, giúp nhà đầu tư tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.
 - Cho vay ký quỹ – Hỗ trợ khách hàng tận dụng cơ hội thị trường một cách linh hoạt
 - Tư vấn phát hành và kinh doanh trái phiếu – Giúp doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả, mở rộng kênh đầu tư & huy động vốn thông qua thị trường nợ.
 - Cung cấp sản phẩm phái sinh, sản phẩm hợp đồng tương lai & chứng quyền – Mở rộng công cụ đầu tư và quản trị rủi ro chuyên sâu.
- Thay mặt HĐQT và Ban lãnh đạo KAFI, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng KAFI trong suốt chặng đường xây dựng nền

tảng vừa qua. Sự ủng hộ của Quý vị là động lực quan trọng giúp Công ty không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị bền vững và dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

- KAFI sẽ tiếp tục giữ vững cam kết phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, mở rộng quy mô, áp dụng công nghệ tiên tiến vào giải pháp kinh doanh, dịch vụ và vận hành. Với nền tảng vững chắc và chiến lược rõ ràng, tôi tin tưởng rằng KAFI sẽ tiếp tục vươn xa, khẳng định vị thế trên thị trường và mang đến những giá trị tốt nhất cho Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

Lê Quang Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI



2.0 Dấu ấn hoạt động

5.000 tỷ đồng	Hoàn thành 2 đợt tăng vốn điều lệ
5.400 tỷ đồng	Dư nợ ký quỹ 5.400 tỷ đồng, tăng 390%
16.100 tỷ đồng	Tổng tài sản 16.100 tỷ đồng, tăng 146%
79.000 tỷ đồng	Giá trị giao dịch 79.000 tỷ đồng, tăng 3,4 lần
Top 13	Top 13 Vốn điều lệ
Top 16	Top 16 Cho vay ký quỹ
2.100	Đối tác phát triển kinh doanh bán lẻ
95	Đối tác là tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư
5 Giải thưởng	Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh Châu Á Most Innovative Debt Capital Market Solutions Leading Retail Securities Brand - Vietnam 2024 Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu - 2024 Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu - 2024

3.0 Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0304763613 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 và điều chỉnh lần thứ 17 ngày 08/01/2025
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2024
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng (năm nghìn tỷ đồng)
Vốn chủ sở hữu:	5.271.832.944.207 (năm nghìn hai trăm bảy mươi một tỷ tám trăm ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm lẻ bảy đồng)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1403, lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(028) 71029898
Website:	https://www.kafi.vn

4.0 Ngành nghề kinh doanh

Công ty được cấp phép thực hiện các hoạt động kinh doanh sau: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán phái sinh và môi giới chứng khoán phái sinh.

5.0 Mạng lưới hoạt động

Công ty có mạng lưới hoạt động như sau:

Văn phòng	Địa chỉ
Trụ sở chính	Phòng 1403, lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
PGD Sài Gòn	Phòng 102, Tầng 1, tòa nhà Saion Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Một phần Tầng 1, tòa nhà CornerStone, số 16, Phố Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

6.0 Quá trình hình thành và phát triển

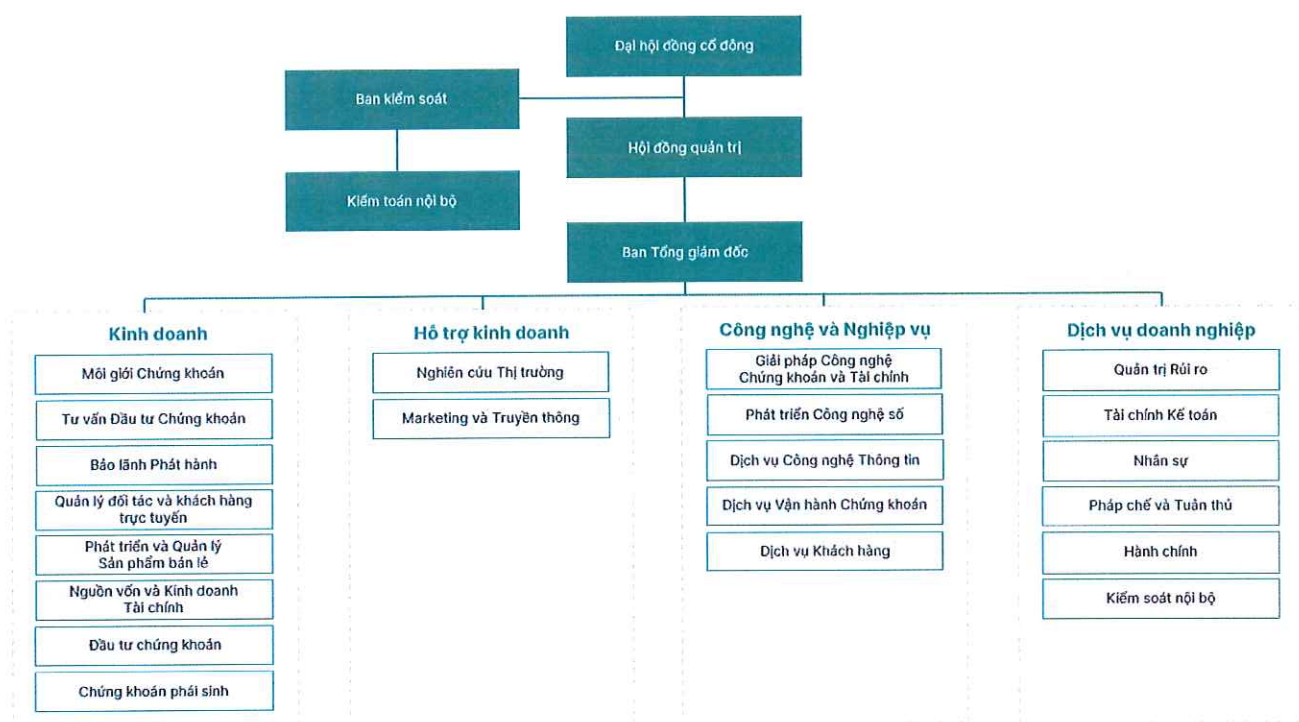
Năm	Sự kiện
2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005828 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán Công ty có vốn điều lệ ban đầu là 20.000.000.000 đồng
2007	Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
2009	Tăng vốn điều lệ lên 35.000.000.000 đồng
2010	Chuyển trụ sở chính về 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
2016	Tăng vốn điều lệ lên 55.000.000.000 đồng
2019	Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (ROSE) thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital (GMC) Chuyển trụ sở chính về 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Tăng vốn điều lệ lên 155.000.000.000 đồng
2020	Được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến Được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán
2021	Được cung cấp dịch vụ tự doanh chứng khoán Được cấp Giấy phép điều chỉnh về việc Thay đổi địa chỉ Công ty về 62 Trần Huy Liệu, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
2022	Được cấp Giấy phép điều chỉnh về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính về Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI Tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 đồng Được cung cấp dịch vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán
2023	Tăng vốn điều lệ lên 1.500.000.000.000 đồng
2024	Thành lập Chi nhánh Hà Nội Thành lập Phòng giao dịch Sài Gòn



Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh (gồm môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh)

Tăng vốn điều lệ lên 5.000.000.000.000 đồng

7.0 Cơ cấu Công ty và bộ máy tổ chức



HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027 (tái bổ nhiệm ngày 25/04/2023):

- Ông Lê Quang Trung Chủ tịch HĐQT
Hơn 20 năm kinh nghiệm kinh doanh nguồn vốn tại các định chế tài chính lớn như Citibank, Deutsche Bank, BNP Paribas.
- Ông Hà Hoàng Dũng Thành viên HĐQT
Hơn 20 năm kinh nghiệm công tác tại các Ngân hàng trong và ngoài nước ở mảng kinh doanh thị trường tiền tệ, khách hàng doanh nghiệp và quản trị rủi ro.
- Ông Trần Tuấn Minh Thành viên HĐQT
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nhân sự cấp cao tại các công ty, tập đoàn lớn tại Việt Nam như Công ty Liên doanh Vimaflour, CTCP Tư vấn nhân lực NIC, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB).

Ban Tổng giám đốc

- Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng giám đốc
Ngày bổ nhiệm: 08/04/2022
Học vấn: Cử nhân Tài chính
Kinh nghiệm: Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư – Ngân hàng – Chứng khoán tại các tổ chức uy tín tại Việt Nam và Mỹ. Từng giữ vị trí Tổng giám đốc tại Chứng khoán ACB, Giám đốc Điều hành tại Chứng khoán HSC, Giám đốc Phân tích tại Chứng khoán VietCap, cùng các vị trí cấp cao tại Ngân hàng HSBC, Quỹ VinaCapital, Quỹ Tower Asset Management (Mỹ), Ngân hàng Downey Savings (Mỹ).
Số cổ phần: 6.711.160 cổ phần, tỷ lệ 1,342% vốn điều lệ.
- Ông Diệp Thế Anh
Phó Tổng giám đốc
Ngày bổ nhiệm: 04/07/2022
Học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Kinh nghiệm: Hơn 20 năm kinh nghiệm phát triển công nghệ tại các định chế tài chính.
Số cổ phần: 400.000 cổ phần, tỷ lệ 0,080% vốn điều lệ.
- Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán trưởng
Ngày bổ nhiệm: 24/06/2023
Học vấn: Cử nhân Kế toán
Kinh nghiệm: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán - tài chính. Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng tại các doanh nghiệp lớn.
Số cổ phần: 0 cổ phần.

64
CƠ
CƠ
CHỨC
TÀI CHÍNH

Báo cáo hoạt động

1.0 Kết quả kinh doanh

1.1 Môi trường kinh doanh

- Năm 2024, TTCK Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của kênh huy động vốn này đối với nền kinh tế. VN-Index đóng cửa ở mức 1.267 điểm, tăng 12% so với cuối năm 2023, ghi nhận mức tăng trưởng hai con số cao nhất Đông Nam Á. Quy mô vốn hóa thị trường đạt hơn 7 triệu tỷ đồng, tương đương 65% GDP, tăng 19,3% so với năm trước, cho thấy TTCK đang ngày càng phản ánh sức khỏe của nền kinh tế.
- Thanh khoản thị trường cũng cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân đạt 21.200 tỷ đồng mỗi phiên, tăng 20% so với 2023. Động lực chính đến từ dòng tiền trong nước, khi nhà đầu tư nội địa thể hiện sự tham gia mạnh mẽ chưa từng có. Số tài khoản chứng khoán mở mới vượt 2 triệu, đưa tổng số lên 9,3 triệu – một con số vượt xa mục tiêu đề ra, phản ánh sự bùng nổ quan tâm của người dân đối với kênh đầu tư này.
- Tuy nhiên, không phải mọi diễn biến đều tích cực. Dòng vốn ngoại ghi nhận xu hướng rút ròng kỷ lục, với tổng cộng 3,7 tỷ USD được bán ra – mức cao nhất trong lịch sử TTCK Việt Nam, vượt xa kỷ lục trước đó vào năm 2021. Nguyên nhân có thể đến từ chính sách thắt chặt tiền tệ của Fed, áp lực lạm phát toàn cầu hoặc xu hướng rút vốn khỏi các thị trường cận biên như Việt Nam.
- TTCK Việt Nam trong năm 2024 chứng kiến sự luân chuyển tích cực giữa các nhóm cổ phiếu, đưa chỉ số tiến sát vùng chỉ số 1.300 điểm. Dù thị trường trải qua một số nhịp điều chỉnh, xu hướng tăng tổng thể vẫn được duy trì. Chính phủ và UBCKNN cũng góp phần quan trọng, với các chính sách giám sát chặt chẽ và khung pháp lý được hoàn thiện, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ nhà đầu tư, giúp TTCK phát triển ổn định mà còn củng cố vị thế của Việt Nam như một thị trường tiềm năng trong mắt khu vực và quốc tế.

1.2 Kết quả kinh doanh

a. Bảng cân đối tài sản

- Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của KAFI đạt hơn 16.000 tỷ đồng, tăng gấp gần 2,5 lần so với đầu năm. Trong đó, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVLPL) chiếm tỉ trọng lớn nhất với 8.900 tỷ đồng, tương đương 55% tổng tài sản và tăng gần gấp đôi so với năm trước. Danh mục đầu tư của Công ty được đa dạng hóa, bao gồm chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và cổ phiếu nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro. Phần lớn danh mục tập trung vào chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu của các tổ chức tín dụng uy tín, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và thanh khoản. Song song đó, hoạt động đầu tư cổ phiếu cũng được đẩy mạnh trong giai đoạn nửa cuối năm 2024, đưa danh mục cổ phiếu nắm giữ lên hơn 560 tỷ đồng tại cuối năm.
- Ngoài ra, dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty tại cuối năm cũng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ gần 5 lần so với đầu năm, đạt hơn 5.300 tỷ đồng và chiếm 33% tổng tài sản của Công ty. Sự bứt phá này đến từ việc KAFI bắt đầu triển khai các bộ sản phẩm cho vay ký quỹ có tính cạnh tranh như Margin-Zero, Margin-S25, Margin-B10 đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều phân khúc khách hàng bán lẻ. Nhờ đó, KAFI đã gia tăng vị thế khi quy mô cho vay ký quỹ vươn lên top 16 thị trường.
- Về cơ cấu nguồn vốn, Công ty luôn chú trọng đa dạng hóa nguồn vốn huy động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cân bằng thanh khoản và tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn. Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất hai đợt tăng vốn, nâng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng tại

cuối năm, giúp KAFI lọt vào top 13 công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất. Nền tảng vốn vững mạnh không chỉ đảm bảo sự ổn định trong hoạt động kinh doanh mà còn là tiền đề tài chính vững chắc phục vụ cho chiến lược tăng trưởng dài hạn của Công ty.

- Về nợ phải trả, tính đến cuối năm 2024, tổng nợ của Công ty ghi nhận 10.800 tỷ đồng, chiếm 67% tổng nguồn vốn. Công ty tiếp tục tập trung thúc đẩy mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn đa dạng, tối ưu chi phí, đồng thời gia tăng vị thế của Công ty trên thị trường tài chính tiền tệ.
- b. Kết quả kinh doanh
 - Tổng doanh thu hoạt động đạt 960 tỷ, tăng 98% so với cùng kỳ, với sự đóng góp tích cực từ các mảng kinh doanh cốt lõi như Môi giới chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Trong đó, thu nhập lãi từ các khoản cho vay đạt 260 tỷ đồng, tăng 272%, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 257% lên 88 tỷ đồng và doanh thu hoạt động tự doanh đạt hơn 600 tỷ, tăng 56% so với cùng kỳ.
 - Mặc dù chi phí quản lý tăng 57% lên mức 116 tỷ đồng trong năm 2024 chủ yếu do Công ty đẩy mạnh đầu tư vào mở rộng quy mô kinh doanh, bao gồm ứng dụng công nghệ, phát triển mạng lưới và tăng cường tuyển dụng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì tỷ lệ chi phí trên doanh thu ở mức 31%, cho thấy sự tối ưu hóa chi phí và khả năng nâng cao năng suất hoạt động của Công ty.
 - Lợi nhuận trước thuế tăng 60%, đạt 257 tỷ đồng và hoàn thành 86% kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2024 phê duyệt. Việc chưa hoàn thành kế hoạch chủ yếu do Công ty xác định trọng tâm năm 2024 tiếp tục ưu tiên đầu tư mạnh vào công nghệ, mở rộng mạng lưới hoạt động và tuyển dụng nhân sự, nhằm tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong tương lai.
- c. Bảng chỉ tiêu cơ bản tình hình tài chính
(Đơn vị: tỷ đồng, %)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng
Tổng tài sản	6.528	16.055	246%
Doanh thu thuần	485	957	198%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	160	257	160%
Lợi nhuận trước thuế	160	257	160%
Lợi nhuận sau thuế	128	203	159%
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân	10,2%	8,9%	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11,7%	29,5%	-

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ an toàn tài chính		
Tỷ lệ vốn khả dụng	326%	579%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,7	0,7
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,0	2,0

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,3	1,5
Hệ số thanh toán nhanh	1,3	1,5

Khả năng sinh lời

Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	12,1%	9,2%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	26,5%	21,3%
Tỉ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân	10,2%	8,9%

Mảng môi giới chứng khoán

- Trong năm 2024, nhằm đáp ứng chiến lược mở rộng mạnh mẽ hoạt động môi giới chứng khoán bán lẻ, Công ty đã tập trung mở rộng hệ thống kênh phân phối, thành lập thêm các Chi nhánh và PGD mới tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời nâng quy mô đội ngũ môi giới và các đối tác kinh doanh lên gần 2.300 nhân sự. Kết quả tích cực đã thể hiện rõ nét với tổng giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân cả năm đạt mức hơn 76.000 tỷ đồng, gấp 3,3 lần so với cùng kỳ năm trước, giúp Công ty lần đầu tiên vươn lên nhóm Top 14 thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Để hỗ trợ hiệu quả hoạt động tư vấn môi giới, Công ty liên tục phát triển và ra mắt các sản phẩm tài chính mới như bộ sản phẩm giao dịch ký quỹ đa dạng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều phân khúc khách hàng cá nhân. Đặc biệt, nhờ chiến lược tiên phong số hóa toàn diện, toàn bộ danh mục sản phẩm môi giới đã được số hóa 100%, giúp khách hàng dễ dàng đăng ký và sử dụng sản phẩm, dịch vụ trực tuyến chỉ trong vài phút thông qua nền tảng giao dịch trực tuyến hiện đại và thân thiện.
- Với những kết quả trên, thị phần môi giới chứng khoán của Công ty đã có bước tiến vượt bậc. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục mở rộng quy mô khách hàng, từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam về quy mô và chất lượng trong giai đoạn tiếp theo.

Mảng đầu tư giấy tờ có giá

- Năm 2024 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của KAFI trong hoạt động đầu tư giấy tờ có giá. Công ty đã chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là ngân hàng và tổ chức tài chính lớn cả trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao khả năng tiếp cận và thể hiện vai trò thị trường của Công ty, xây dựng vị thế là một đối tác năng động. Danh mục đối tác giao dịch đã tăng mạnh lên gần 100 tổ chức, giúp KAFI mở rộng quy mô và linh hoạt hơn trong quản lý vốn, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn, qua đó nâng cao lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh.

Mảng tự doanh cổ phiếu

- Sau giai đoạn thăm dò thị trường, trong năm 2024, Công ty đã tích cực đẩy mạnh đầu tư cổ phiếu tự doanh, nâng quy mô danh mục lên mức 600 tỷ đồng, tập trung vào các cổ phiếu chất lượng cao và có triển vọng tăng trưởng bền vững. Công ty ứng dụng các phương pháp phân tích dữ liệu tiên tiến, kết hợp với các nền tảng công nghệ hiện đại để tối ưu hiệu suất đầu tư. Với định hướng này, KAFI kỳ vọng mang lại lợi nhuận hấp dẫn, đồng thời duy trì sự ổn định và bền vững trong danh mục đầu tư.

Mảng tự doanh chứng khoán phái sinh

- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thiện đội ngũ nhân sự phụ trách mảng chứng khoán phái sinh, đồng thời triển khai mạnh mẽ việc đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ, sẵn sàng cho việc ra mắt bộ sản phẩm chứng khoán phái sinh ngay trong năm 2025. Đặc biệt, Công ty đã và đang tập trung đăng ký các thủ tục, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và quy định của cơ quan quản lý, nhằm sớm đưa vào vận hành mảng kinh doanh phái sinh. Với nền tảng công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, Công ty kỳ vọng sản phẩm chứng khoán phái sinh sẽ nhanh chóng thu hút sự quan tâm của khách hàng, gia tăng lợi thế cạnh tranh và đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Nghiệp vụ thị trường nợ

- Công ty chủ động nắm bắt cơ hội từ thị trường nợ đang dần phục hồi rõ nét trong năm 2024, tích cực tham gia vào các hoạt động phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp uy tín, có nền tảng tài chính vững chắc. Trong năm qua, KAFI đã xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác chiến lược với các tổ chức phát hành lớn, các tổ chức tài chính và nhà đầu tư chuyên nghiệp trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ hoạt động nghiệp vụ bảo lãnh phát hành và tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Công ty đã nâng cao chất lượng tư vấn, tăng cường giám sát rủi ro và cam kết minh bạch trong từng thương vụ, qua đó xây dựng uy tín trên thị trường. Những giải pháp này đã giúp KAFI không chỉ gia tăng quy mô giao dịch lên 3.350 tỷ đồng, mà còn củng cố vị thế thương hiệu trên thị trường nợ Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng trong những năm tiếp theo.

2.0 Tổ chức và nhân sự

- Tính tại ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự Công ty đạt 290 người, tăng 252% so với đầu năm. Đây là kết quả của chiến lược mở rộng mạng lưới kênh phân phối, tập trung thu hút và phát triển nhân tài để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày càng phát triển của KAFI.
- Xét về trình độ học vấn, đội ngũ nhân sự của Công ty có chuyên môn cao, với 96% trình độ đại học và trên đại học. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động chủ yếu là nhân sự trẻ, năng động khi có đến 60% thuộc nhóm 25 – 35 tuổi, tạo nên môi trường làm việc hiện đại, sáng tạo và đầy tiềm năng phát triển.
- KAFI áp dụng chính sách lương, thưởng minh bạch và rà soát định kỳ chế độ lương, thưởng cho người lao động, đồng thời đảm bảo đầy đủ chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ cho nhân viên trong các sự kiện quan trọng.
- Về đào tạo, KAFI liên tục tổ chức các khóa học nội bộ và hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học chuyên môn theo yêu cầu của UBCKNN, giúp nhân viên nâng cao kiến thức và kỹ năng quản trị. Ngoài ra, Công ty còn có hệ thống đào tạo nội bộ cung cấp bài kiểm tra, tài liệu hỗ trợ nhân viên cập nhật thông tin dễ dàng.
- Trong tuyển dụng, KAFI triển khai chiến lược bài bản, từ chính sách đãi ngộ đến tiêu chí chọn lọc, đồng thời đẩy mạnh kênh tuyển dụng trực tuyến, tài trợ cuộc thi đầu tư và tổ chức hội thảo nghề nghiệp để thu hút nhân tài.
- Đối với truyền thông nội bộ, KAFI duy trì các sự kiện lớn như Teambuilding, New Year Party, Townhall nhằm gắn kết nhân viên và chia sẻ chiến lược minh bạch, đồng bộ. Công ty cũng phát

triển câu lạc bộ thể thao, tổ chức sự kiện nội bộ như chúc mừng ngày Quốc tế Phụ nữ, sinh nhật nhân viên, góp phần tạo môi trường làm việc gắn kết và tràn đầy động lực.

3.0 Cơ cấu cổ đông

3.1 Thông tin cổ phần

Chỉ tiêu	Năm 2024
Tổng số cổ phần	500.000.000 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Không có
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	500.000.000 cổ phần

3.2 Cơ cấu cổ đông

Số liệu đến thời điểm 31/12/2024

Mục	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn (trên 5%)	100.000.000	20,000%
	Cổ đông nhỏ	400.000.000	80,000%
2	Cổ đông tổ chức	219.062.266	43,812%
	Cổ đông cá nhân	280.937.734	56,188%
3	Cổ đông trong nước	400.000.000	80,000%
	Cổ đông nước ngoài	100.000.000	20,000%
4	Cổ đông nhà nước	0	0
	Cổ đông khác	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0

3.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

- Năm 2024, Công ty đã thực hiện thành công 02 lần tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Lần 01, Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000.000 đồng lên 2.500.000.000.000 đồng với tổng số cổ phiếu đã được phân phối là 100.000.000 cổ phiếu, giá bán là 10.000 đồng, tổng thu ròng từ đợt chào bán là 1.000.000.000.000 đồng.
- Lần 02, Công ty tăng vốn điều lệ từ 2.500.000.000.000 đồng lên 5.000.000.000.000 đồng với tổng số cổ phiếu đã được phân phối là 250.000.000 cổ phiếu, giá bán là 10.000 đồng, tổng thu ròng từ đợt chào bán là 2.500.000.000.000 đồng.

Chiến lược phát triển

1.0 Môi trường kinh doanh

1.1 Triển vọng nền kinh tế

- Năm 2025, kinh tế Việt Nam được dự báo duy trì đà tăng trưởng ấn tượng với GDP đạt khoảng 8%. Ngành công nghiệp và xây dựng sẽ là động lực chính, tăng trưởng 9,5%, trong khi xuất nhập khẩu dự kiến tăng 12%, giúp thặng dư thương mại chạm mốc 30 tỷ USD. Dòng vốn FDI giải ngân cũng khả quan, tăng 10-12% lên mức 28 tỷ USD, khẳng định sức hút của môi trường đầu tư Việt Nam. Dù đối mặt với rủi ro từ thương mại toàn cầu, Việt Nam vẫn được xem là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất châu Á.
- Lạm phát duy trì ổn định ở mức 3,5 - 4,5 %, kết hợp với lãi suất thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh và đầu tư. Chính phủ tiếp tục chính sách tài khóa mở rộng nhưng thận trọng, ưu tiên đầu tư công vào các dự án hạ tầng lớn như cao tốc Bắc Nam, sân bay Long Thành và các cảng biển. Khu vực tư nhân dự kiến phục hồi mạnh mẽ nhờ các hiệp định thương mại tự do, thúc đẩy tiêu dùng nội địa và xuất khẩu tăng 8 - 12 %. Tuy nhiên, cần theo dõi sát sao biến động thị trường quốc tế và tỷ giá.
- Nhìn chung, kinh tế Việt Nam năm 2025 hứa hẹn nhiều triển vọng tích cực, nhưng đòi hỏi sự linh hoạt để đảm bảo phát triển bền vững.

1.2 Triển vọng thị trường chứng khoán

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 có triển vọng tích cực nhờ kinh tế vĩ mô ổn định, chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và nỗ lực nâng hạng từ cận biên lên mới nổi. Nếu thành công, việc nâng hạng sẽ thu hút dòng vốn lớn từ nước ngoài, tăng thanh khoản và quy mô thị trường.
- Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết dự kiến tăng 17 - 20%, dẫn dắt bởi các ngành như ngân hàng, bất động sản, tiêu dùng và xuất khẩu, nhờ lãi suất thấp và nhu cầu phục hồi. Số tài khoản chứng khoán có thể vượt 12 triệu, tương đương 12% dân số, với nhà đầu tư cá nhân chiếm trên 85% giao dịch, được hỗ trợ bởi công nghệ tài chính và nhu cầu tham gia đầu tư tăng. VN-Index được dự báo đạt 1.450-1.500 điểm.
- Tóm lại, thị trường chứng khoán Việt Nam hứa hẹn kỳ vọng tăng trưởng khởi sắc nhờ lợi nhuận doanh nghiệp, vốn ngoại và nhà đầu tư trong nước.

2.0 Định hướng phát triển

- Từ 2025, KAFI triển khai chiến lược "KAFI 2.0 - Tăng trưởng năng động" nhằm trở thành công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu Việt Nam, tập trung vào:
 - Khách hàng: Mở rộng tệp nhà đầu tư cá nhân, đặc biệt nhóm trẻ, thông qua kênh mạng lưới và kênh số.
 - Sản phẩm: Ra mắt chứng quyền có bảo đảm (CW), phái sinh, mở rộng danh mục sản phẩm cho vay ký quỹ và giao dịch, và phát triển sản phẩm công nghệ cá nhân hóa.
 - Nhân sự: Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ môi giới chuyên nghiệp, xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh.
 - Công nghệ: Nâng cấp hệ thống giao dịch hiện đại, đảm bảo tốc độ và bảo mật, tạo nền tảng phát triển mảng kinh doanh môi giới.

- Truyền thông: Tăng nhận diện thương hiệu, niêm yết trên Upcom, triển khai truyền thông đa kênh và giáo dục tài chính.
 - Quản trị rủi ro: Xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định, đầu tư an ninh mạng.
- a. Mạng môi giới chứng khoán
- Công ty sẽ mở rộng mạng lưới phân phối tại các thành phố trọng điểm và trung tâm kinh tế lớn để tận dụng sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, nâng cao năng suất và chất lượng đội ngũ môi giới, tập trung phát triển nền tảng bán hàng và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.
 - Kênh số là động lực tăng trưởng chính, với các nền tảng giao dịch trực tuyến thế hệ mới, ứng dụng công nghệ để cung cấp giải pháp tư vấn đầu tư cá nhân hóa. Công ty tích hợp với ngân hàng, Fintech, ví điện tử để thu hút nhà đầu tư trẻ, đẩy nhanh gia tăng khách hàng cá nhân, hướng tới mục tiêu 500.000 tài khoản và Top 10 thị phần môi giới bán lẻ.
- b. Mạng đầu tư giấy tờ có giá
- Công ty đặt mục tiêu mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu tại Việt Nam nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư và quy mô trong mảng giấy tờ có giá. Đồng thời, KAFI sẽ tăng cường hợp tác với các đối tác tổ chức tín dụng, các định chế tài chính trong và ngoài nước để gia tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý nhất.
- c. Mạng đầu tư cổ phiếu
- Trong năm 2025, KAFI sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu thông qua việc đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các chiến lược đầu tư. Quản lý danh mục đầu tư chuyên nghiệp, linh hoạt, ưu tiên các cổ phiếu của các ngành tăng trưởng mạnh, có nền tảng tài chính vững chắc và triển vọng lợi nhuận tích cực.
 - Hoạt động đầu tư được vận hành trên nền tảng công nghệ hiện đại, kết hợp các phương pháp giao dịch tiên tiến để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Công ty tập trung phát triển các chiến lược giao dịch linh hoạt, có khả năng thích ứng nhanh với diễn biến thị trường, nhằm khai thác tối đa cơ hội trong cả ngắn hạn và dài hạn.
- d. Mạng phái sinh
- Trong năm 2025, KAFI sẽ nhanh chóng ra mắt bộ sản phẩm chứng khoán phái sinh đa dạng, gồm các sản phẩm giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số và phát hành CW. Việc tham gia vào mảng phái sinh sẽ được thực hiện với chiến lược rõ ràng, tập trung vào các sản phẩm có nhu cầu thị trường lớn, thiết kế các giải pháp phù hợp với nhà đầu tư cá nhân. Công ty sẽ ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, cung cấp nền tảng giao dịch dễ sử dụng, tích hợp các công cụ hỗ trợ giao dịch và quản lý rủi ro thông minh.
- e. Nghiệp vụ thị trường nợ
- Với kỳ vọng nhu cầu vốn trên thị trường trái phiếu tiếp tục phục hồi, KAFI sẽ tham gia tích cực vào các hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Công ty tập trung xây dựng thương hiệu và nâng cao uy tín thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, toàn diện và minh bạch cho các tổ chức, doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Đồng thời, KAFI tăng cường vai trò kết nối giữa các nhà phát hành với nhà đầu tư trong nước và quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và bền vững của thị trường nợ Việt Nam.



Quản trị doanh nghiệp

1.0 Báo cáo của HĐQT về hoạt động của Công ty

1.1 Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Công ty

- KAFI đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, nộp Báo cáo đúng hạn cho UBCKNN và các Sở Giao dịch Chứng khoán, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật liên quan đến chứng khoán.
- Đội ngũ nhân viên KAFI đặt tiêu chí phục vụ khách hàng lên hàng đầu, tư vấn và quản lý danh mục khách hàng dựa trên lợi ích và quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống các hành vi gian lận trong chứng khoán theo đúng quy định của cơ quan quản lý.
- HĐQT luôn đồng hành cùng Ban lãnh đạo trong công tác định hướng, đưa ra các quyết định đúng và kịp thời nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của KAFI hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật.
- Coi trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chú trọng việc đào tạo phát triển nghề nghiệp của đội ngũ nhân lực; tổ chức các hoạt động đào tạo phong phú nhằm gia tăng sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa các thành viên trong nội bộ KAFI, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của KAFI.

1.2 Đánh giá của HĐQT đối với Ban TGD, các cán bộ quản lý

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT thông qua các phương thức như sau:
 - Hàng quý, HĐQT tổ chức phiên họp định kỳ để cập nhật tình hình kinh doanh, đánh giá việc tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT/các vấn đề ủy quyền của HĐQT đối với TGD, việc TGD thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ngoài ra, HĐQT tổ chức các phiên họp bất thường nhằm rà soát, xem xét các kế hoạch hành động của Ban TGD, đảm bảo các định hướng HĐQT đề ra đã được thực hiện đúng và phù hợp quy định pháp luật cũng như quy định nội bộ của Công ty;
 - HĐQT phê duyệt các đề xuất, tờ trình, kế hoạch của TGD làm cơ sở để TGD triển khai các hoạt động quản lý, điều hành Công ty;
 - HĐQT ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền làm cơ sở cho Ban TGD vận hành hoạt động nội bộ của Công ty;
 - HĐQT thiết lập cơ chế báo cáo định kỳ đến HĐQT như: Báo cáo hoạt động kinh doanh quý; Báo cáo tình hình quản trị Công ty; Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và các báo cáo theo từng lĩnh vực chuyên môn, hoạt động, dự án theo yêu cầu của HĐQT;
 - HĐQT ban hành các chính sách về phân cấp thẩm quyền trong các lĩnh vực về tài chính, nhân sự; Quy định Chức năng, nhiệm vụ và mô hình vận hành của KAFI, tạo cơ chế cho Ban TGD chủ động thực hiện các công việc điều hành và quản trị nội bộ.
- HĐQT ghi nhận kết quả đạt được từ những chuyển biến tích cực của kết quả kinh doanh, kết quả triển khai các định hướng chiến lược Công ty của Ban TGD và khép lại 03 năm hành trình xây dựng nền tảng, tạo đà cho giai đoạn phát triển năng động tiếp theo.

- HĐQT đánh giá Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình, quy định đã được ban hành. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành. TGD và các cán bộ quản lý của KAFI đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, luôn chủ động trong việc thực hiện phương án hoạt động kinh doanh.

1.3 Hoạt động quản trị của HĐQT năm 2024

- Cơ cấu Hội đồng quản trị tại ngày 31/12/2024

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	26/01/2022 25/04/2023	-	0,005
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	26/01/2022 25/04/2023	-	0,750
Ông Hà Hoàng Dũng	Thành viên HĐQT	26/01/2022 25/04/2023	-	0,500

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
HĐQT không có các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
Đối với hoạt động quản trị rủi ro, HĐQT phân công thành viên phụ trách hỗ trợ, tham mưu cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT.
- Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 25 cuộc họp và 19 lần lấy ý kiến bằng văn bản, chi tiết như sau:

Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự/gửi ý kiến	Tỷ lệ tham dự/ gửi ý kiến	Lý do không tham dự họp, gửi ý kiến
Ông Lê Quang Trung	44/44	100%	-
Ông Trần Tuấn Minh	44/44	100%	-
Ông Hà Hoàng Dũng	44/44	100%	-

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2024 được thông qua với tỷ lệ 100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0634.2023.BOD(1) 0634.2023.BOD(2)	05/01/2024	- Phê duyệt việc tái ký hợp đồng lao động đối với chức danh Giám đốc Tài chính Kế toán; - Phê duyệt ban hành Chính sách thưởng hiệu quả làm việc năm 2023.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	0134.2024.BOD	25/01/2024	Thực hiện triển khai Phương án tăng vốn điều lệ điều chỉnh Đợt 2.
3	0255.2024.BOD(1) 0255.2024.BOD(2)	29/01/2024	- Phê duyệt ban hành Chính sách rủi ro năm 2024; - Phê duyệt giao dịch với Người có liên quan.
4	0506.2024.BOD	28/02/2024	Phê duyệt kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
5	0309.2024.BOD(1) 0309.2024.BOD(2) 0309.2024.BOD(3)	11/03/2024	- Phê duyệt tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Tự doanh chứng khoán; - Phê duyệt tái ký hợp đồng lao động đối với chức danh Giám đốc Pháp chế và Tuân thủ; - Phê duyệt tái ký hợp đồng lao động đối với chức danh Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính.
6	0420.2024.BOD	13/03/2024	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua, thời hạn cuối cùng chuyển nhượng quyền, đăng ký và nộp tiền mua cổ phần.
7	0715.2024.BOD	15/03/2024	Phê duyệt việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
8	0858.2024.BOD	19/03/2024	Phê duyệt điều chỉnh tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
9	0736.2024.BOD	25/03/2024	Phê duyệt tái ký hợp đồng lao động và bổ nhiệm Giám đốc vận hành.
10	0479.2024.BOD	30/03/2024	Họp định kỳ Quý 1 năm 2024 và phê duyệt Quy định khẩu vị rủi ro cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.
11	0615.2024.BOD(1) 0615.2024.BOD(2)	09/04/2024	- Phê duyệt việc chào bán cổ phần lẻ theo phương án tăng vốn điều lệ điều chỉnh Đợt 2; - Phê duyệt ngày kết thúc đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ điều chỉnh Đợt 2.
12	0248.2024.BOD	10/04/2024	- Triển khai phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2023; - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2024.
13	0612.2024.BOD(1) 0612.2024.BOD(2)	15/04/2024	- Phê duyệt kết quả tăng vốn điều lệ điều chỉnh Đợt 2; - Phân bổ ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	0504.2024.BOD(1) 0504.2024.BOD(2) 0504.2024.BOD(3)	14/05/2024	- Phê duyệt thành lập Chi nhánh Hà Nội; - Phê duyệt ngân sách thuê mặt bằng để thành lập Chi nhánh Hà Nội; - Phê duyệt ngân sách xây dựng Chi nhánh Hà Nội.
15	0194.2024.BOD	15/05/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.
16	0657.2024.BOD(1) 0657.2024.BOD(2)	20/05/2024	- Phê duyệt tái ký hợp đồng lao động đối với chức danh Giám đốc Dịch vụ Công nghệ thông tin; - Phê duyệt ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Cho vay ký quỹ, Hội đồng Sản phẩm bán lẻ.
17	0399.2024.BOD(1) 0399.2024.BOD(2)	27/05/2024	- Phê duyệt ban hành Điều lệ sửa đổi; - Phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp và chi phí triển khai hệ thống giao dịch phái sinh.
18	0295.2024.BOD	10/06/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
19	0324.2024.BOD	10/06/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà.
20	0949.2024.BOD(1) 0949.2024.BOD(2)	18/06/2024	- Phê duyệt tái ký hợp đồng lao động đối với chức danh Kế toán trưởng; - Ban hành các Quy định về cơ chế thưởng thúc đẩy kinh doanh đối với đội ngũ Lãnh đạo điều hành Công ty và Quy định về cơ chế thưởng thúc đẩy kinh doanh đối với cán bộ nhân viên thuộc Block Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính.
21	0723.2024.BOD	26/06/2024	Thông qua kế hoạch và chương trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
22	0412.2024.BOD	29/06/2024	Họp định kỳ Quý 2 năm 2024.
23	0549.2024.BOD	18/07/2024	Phê duyệt chi phí và lựa chọn nhà cung cấp phần cứng cho hệ thống core phái sinh.
24	0427.2024.BOD	22/07/2024	Phê duyệt ban hành chính sách điều chỉnh lương cơ bản năm 2024.
25	0148.2024.BOD(1) 0148.2024.BOD(2) 0148.2024.BOD(3) 0148.2024.BOD(4)	05/08/2024	- Phê duyệt ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và mô hình vận hành phiên bản 2024(1); - Phê duyệt điều chỉnh chế độ nhân sự đối với Giám đốc Kiểm soát nội bộ; Giám đốc Dịch vụ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	0148.2024.BOD(5) 0148.2024.BOD(6)		Chứng khoán; Giám đốc Dịch vụ Công nghệ thông tin; - Phê duyệt tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Giải pháp Công nghệ Chứng khoán và Tài chính; - Phê duyệt miễn nhiệm và chấm dứt Hợp đồng lao động đối với chức danh Giám đốc Vận hành.
26	0885.2024.BOD(1) 0885.2024.BOD(2)	20/08/2024	Phê duyệt thành lập Phòng giao dịch Hồ Chí Minh; Phê duyệt ngân sách thuê mặt bằng và xây dựng Phòng giao dịch Hồ Chí Minh.
27	0652.2024.BOD	23/08/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.
28	0710.2024.BOD	12/09/2024	Phê duyệt ban hành Quy định Chức năng, nhiệm vụ và mô hình vận hành phiên bản 2024(2).
29	2402.2024.BOD(1) 2402.2024.BOD(2)	12/09/2024	- Phê duyệt triển khai nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh; - Phê duyệt miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với vị trí Giám đốc Phát triển Công nghệ số.
30	1568.2024.BOD(1) 1568.2024.BOD(2)	20/09/2024	- Phê duyệt ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Sản phẩm bán lẻ; - Phê duyệt phân công nhân sự phụ trách Block Quản trị rủi ro.
31	4234.2024.BOD(1) 4234.2024.BOD(2) 4234.2024.BOD(3)	24/09/2024	- Phê duyệt thành lập Phòng giao dịch Hồ Chí Minh (thay thế cho Nghị quyết HĐQT số 0885.2024.BOD(1) ngày 20/08/2024); - Phê duyệt thuê bổ sung diện tích văn phòng làm việc tại Phòng giao dịch Hồ Chí Minh; - Phê duyệt kế hoạch tự doanh cổ phiếu và đầu tư chứng quyền.
32	0413.2024.BOD	28/09/2024	Hợp định kỳ Quý 3 năm 2024.
33	1609.2024.BOD	15/10/2024	Phê duyệt ban hành Quy trình Quản trị rủi ro.
34	5999.2024.BOD	17/10/2024	Phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
35	0923.2024.BOD	07/11/2024	Thông qua kế hoạch và chương trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
36	0716.2024.BOD	14/11/2024	Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
37	1025.2024.BOD	21/11/2024	Phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
38	3107.2024.BOD	22/11/2024	Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, thời hạn cuối cùng chuyển nhượng quyền, đăng ký và nộp tiền mua cổ phần.
39	8972.2024.BOD(1) 8972.2024.BOD(2) 8972.2024.BOD(3)	18/12/2024	- Phê duyệt ban hành Chính sách thưởng hiệu quả làm việc năm 2024; - Phê duyệt tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Phát triển Công nghệ số; - Phê duyệt tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Nhân sự.
40	5180.2024.BOD	19/12/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà.
41	9254.2024.BOD	20/12/2024	Phê duyệt đề xuất hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ.
42	0414.2024.BOD	21/12/2024	Họp định kỳ Quý 4 năm 2024.
43	0163.2024.BOD	23/12/2024	Phê duyệt đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần.
44	1239.2024.BOD(1) 1239.2024.BOD(2)	25/12/2024	- Phê duyệt kế hoạch tự doanh cổ phiếu; - Phê duyệt phân quyền xử lý rủi ro.

1.4 Kế hoạch hoạt động và định hướng của HĐQT năm 2025

- Năm 2025 đánh dấu năm đầu tiên trong giai đoạn II – hành trình Phát triển năng động của Công ty, HĐQT đề ra kế hoạch tiếp tục đưa KAFI trở thành Công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam về chất lượng và quy mô. HĐQT sẽ tiếp tục công tác định hướng chiến lược, hỗ trợ Ban TGD triển khai các hoạt động kinh doanh và giám sát vận hành hoạt động của Công ty, nhằm đưa KAFI từng bước đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra.
- Năm hoạt động kinh doanh chính trong năm 2025 được HĐQT hướng đến như sau:
 - Môi giới chứng khoán (Retail Brokerage Securities);
 - Đầu tư và giao dịch giấy tờ có giá (Fixed Income Trading);
 - Đầu tư chứng khoán (Equity Trading);
 - Nghiệp vụ thị trường vốn nợ (Debt Capital Market);
 - Phái sinh (Derivatives).
- Dựa trên các diễn biến thị trường và điều kiện kinh doanh, HĐQT sẽ triển khai điều tiết hoạt động kinh doanh, thực thi các sáng kiến chọn lọc ở các lĩnh vực khác nhau nhằm thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ quy mô, năng suất và hiệu quả Công ty.

- HĐQT tiếp tục theo đuổi việc quản trị Công ty công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội, hài hòa lợi ích của Công ty, người lao động, nhà đầu tư, cổ đông và cộng đồng; thực hiện công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty chứng khoán và Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty.
- Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị.

2.0 Báo cáo của BKS

2.1 Thành viên và cơ cấu của BKS

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Trình độ chuyên môn
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng BKS	26/01/2022	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Ông Trần Xuân Cảnh	Kiểm soát viên	26/01/2022	Cử nhân Kinh tế học
Bà Mai Hiền Vân	Kiểm soát viên	26/01/2022	Cử nhân Tài chính ngân hàng

2.2 Hoạt động của BKS

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. BKS kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, BKS thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, TGD.
- Trong năm 2024, BKS đã hoàn thành các chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và quy chế, cụ thể:
 - Tổ chức 04 cuộc họp để triển khai và đánh giá nhiệm vụ của BKS theo Điều 9. Thông tư 121/2020/TT – BTC;
 - Duy trì cơ chế làm việc theo đúng quy định, kết hợp với HĐQT và Ban TGD trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đảm bảo hoạt động Công ty được vận hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ. BKS cũng nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, TGD thông qua việc cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;
 - Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty: đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024, báo cáo tài chính năm 2024 và giám sát các hoạt động dịch vụ chứng khoán;
 - Giám sát HĐQT và TGD trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT. Đánh giá hoạt động điều hành của TGD và Ban lãnh đạo Công ty thông qua công tác kiểm toán nội bộ. Đánh giá sự phù hợp của các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện giám sát triển khai kinh doanh trong khuôn khổ khẩu vị rủi ro;
 - Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác: tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT được mời, các cuộc họp hàng tuần, hàng tháng, hàng quý giữa Ban TGD và các phòng ban khác, các cuộc họp của toàn Công ty.

3.0 Báo cáo thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGD

Đơn vị: tỷ đồng

Đối tượng	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao của HĐQT	2,1	3,0
Thù lao của BKS	0,7	1,2
Thù lao của Ban TGD	5,3	6,6

4.0 Quản trị rủi ro

4.1 Mô hình quản trị rủi ro

KAFI xây dựng mô hình quản trị rủi ro 03 tuyến phòng vệ (Three Lines of Defense Model), bao gồm:

- Tuyến phòng vệ thứ nhất: phát hiện rủi ro.
 - Các Block chức năng thực hiện đúng các quy định, quy trình từ đó hạn chế rủi ro phát sinh cho Công ty;
 - Các Block chức năng, trong quá trình hoạt động phát hiện và/hoặc nhận diện các tình huống rủi ro và báo cáo Block Quản trị rủi ro hoặc TGD kịp thời xử lý.
- Tuyến phòng vệ thứ hai: xử lý rủi ro và giám sát rủi ro.
 - TGD, Block Quản trị rủi ro, Block Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm quản trị rủi ro và quản trị tuân thủ chung cho Công ty;
 - Dựa trên khẩu vị rủi ro của Công ty, trực tiếp xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm xây dựng, củng cố và giám sát tuyến phòng vệ thứ nhất, đảm bảo tuyến phòng vệ thứ nhất được thiết kế đúng quy trình và hoạt động đúng định hướng;
 - Xây dựng cơ chế giám sát và xử lý rủi ro;
 - Độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của tuyến phòng vệ thứ nhất.
- Tuyến phòng vệ thứ ba: kiểm tra, kiểm toán độc lập.
 - Kiểm toán nội bộ trực thuộc BKS và không thuộc Ban lãnh đạo Công ty, thực hiện chức năng kiểm toán, đánh giá hiệu quả trong hoạt động quản trị kinh doanh, quản trị rủi ro;
 - Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm toán độc lập đối với tuyến phòng vệ thứ nhất và thứ hai.

4.2 Chiến lược quản trị rủi ro

- Căn cứ mục tiêu chiến lược của hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty từng thời kỳ, hoạt động quản trị rủi ro được xây dựng cho tất cả các rủi ro trọng yếu, đảm bảo:
 - Tuân thủ quy định pháp luật;
 - Tuân thủ Điều lệ, Quy chế Tài chính của Công ty;
 - Tuân thủ khẩu vị rủi ro của Công ty;
 - Xây dựng văn hoá quản trị rủi ro trong nội bộ Công ty;
 - Áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro tiến bộ theo thông lệ quốc tế.
- Nhận diện rủi ro trọng yếu:
 - Rủi ro thị trường;
 - Rủi ro thanh toán;

- Rủi ro thanh khoản;
- Rủi ro hoạt động;
- Rủi ro pháp lý;
- Rủi ro thương hiệu.

4.3 Quy trình quản trị rủi ro

- Nhận diện rủi ro

Tất cả hoạt động kinh doanh và vận hành của Công ty phải được xem xét và nhận diện các rủi ro trọng yếu có thể phát sinh. Việc nhận diện rủi ro được thực hiện thông qua:

- Các phân tích cơ sở dữ liệu về kinh doanh, vận hành;
- Các báo cáo nhận diện rủi ro của Block Quản trị rủi ro;
- Các báo cáo hoạt động của Block Kiểm soát nội bộ, Block Kiểm toán nội bộ;
- Các thay đổi trong chiến lược kinh doanh, quy trình vận hành;
- Phát triển sản phẩm mới, hoạt động kinh doanh mới, hệ thống vận hành mới;
- Các khuyến cáo, nhận xét từ cơ quan quản lý Nhà nước;
- Các thay đổi từ môi trường kinh doanh và quy định pháp luật;
- Các yếu tố bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, môi trường, biến động chính trị,...

- Đánh giá và đo lường rủi ro.

Đối với mỗi loại rủi ro, việc đo lường rủi ro có thể được thực hiện theo một và/hoặc nhiều phương pháp hay kỹ thuật khác nhau, bao gồm và không giới hạn các phương pháp sau:

- Phương pháp định tính;
- Phương pháp định lượng;
- Kết hợp cả 02 phương pháp trên.

- Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra, chi phí xử lý rủi ro và đặc tính của rủi ro.

- Giám sát rủi ro và báo cáo

Các rủi ro đã nhận diện được theo dõi chặt chẽ và có các biện pháp kiểm soát rủi ro, báo cáo rủi ro kịp thời thông qua:

- Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro;
- Xây dựng hạn mức, công cụ cảnh báo sớm rủi ro.

5.0 Báo cáo phát triển bền vững

- Chính sách tác động tích cực đến môi trường

Do đặc thù ngành nghề, các hoạt động kinh doanh của KAFI không gây ra tác động lớn đến môi trường. Tuy nhiên, KAFI luôn nhận thức rõ rằng việc bảo vệ môi trường không chỉ đảm bảo sự vận hành an toàn của doanh nghiệp, mang lại lợi ích về sức khỏe cho đội ngũ CBNV mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng. Công ty đã triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, giám sát sử dụng thiết bị điện, nước, đồng thời nâng cao ý thức nhân viên qua truyền thông nội bộ.

Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng đến việc duy trì môi trường làm việc gọn gàng, sạch sẽ và hiệu quả thông qua việc áp dụng quy định 5S - Sàng lọc (Sort), Sắp xếp (Set in order), Sạch sẽ (Shine), Săn sóc (Standardize) và Sẵn sàng (Sustain), được ban hành và thực hiện nghiêm túc trong toàn Công ty.

- Chính sách liên quan đến người lao động
Trong năm 2024, KAFI đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và củng cố nền tảng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự thông qua 18 khóa đào tạo “Giới thiệu về KAFI và các quy định nội bộ”, 30 chương trình đào tạo về sản phẩm, kỹ năng mềm cho CBNV. Công ty cũng chú trọng cân bằng công việc – cuộc sống bằng các hội thảo về dinh dưỡng, quản lý stress và sức khỏe tinh thần, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững.
- Hoạt động trách nhiệm xã hội, cộng đồng địa phương
KAFI cam kết phát triển bền vững thông qua việc tạo việc làm ổn định, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Công ty không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cấp hệ thống giao dịch và ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, KAFI tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý, góp phần xây dựng thị trường tài chính minh bạch. Ngoài ra, công ty hợp tác với các trường đại học tổ chức các cuộc thi tài chính – chứng khoán, giúp sinh viên tiếp cận thực tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

6.0 Báo cáo khác

6.1 Chi phí kiểm toán

Trong năm, công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho KAFI như sau:

- Soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024: phí dịch vụ trước thuế giá trị gia tăng là 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng);
- Kiểm toán báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2024: phí dịch vụ trước thuế giá trị gia tăng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

6.2 Báo cáo bảo mật thông tin khách hàng

- KAFI là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, luôn đặt trọng tâm vào việc phát triển hệ thống công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm giao dịch của khách hàng và đảm bảo an toàn bảo mật thông tin. Năm 2024, KAFI tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng CNTT và triển khai các giải pháp công nghệ mới để đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường chứng khoán, đặc biệt là việc sẵn sàng kết nối hệ thống KRX.
- Đầu tư hạ tầng CNTT hiện đại
 - Xây dựng hệ thống hạ tầng CNTT với kiến trúc tiên tiến, hỗ trợ khả năng mở rộng linh hoạt và tối ưu hiệu suất vận hành.
 - Đầu tư vào trung tâm dữ liệu (Data Center) đạt chuẩn Tier 3, sử dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing) và ảo hóa (Virtualization) nhằm tối ưu hóa tài nguyên, nâng cao tính sẵn sàng và khả năng dự phòng.
 - Nâng cấp hệ thống mạng với các công nghệ bảo mật mới nhất, đảm bảo tốc độ truy cập nhanh, ổn định và an toàn.
 - Xây dựng hệ thống giám sát và quản lý CNTT tập trung, giúp phát hiện sớm các sự cố và tự động hóa quy trình vận hành.
- Tăng cường an toàn bảo mật thông tin

C. 2
G. T. Y.
P. H. A.
3. K. H.
K. A. F. I.
P. H.

- Triển khai các giải pháp bảo mật đa lớp với công nghệ mã hóa dữ liệu tiên tiến, bảo vệ thông tin khách hàng khỏi các mối đe dọa an ninh mạng.
 - Nâng cấp hệ thống phòng thủ an ninh mạng với tường lửa thế hệ mới, hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS) cùng nền tảng giám sát an ninh theo thời gian thực.
 - Áp dụng xác thực đa yếu tố (MFA), quản lý truy cập dựa trên vai trò (RBAC) nhằm kiểm soát quyền truy cập của người dùng, giảm thiểu rủi ro thất thoát dữ liệu.
 - Định kỳ kiểm tra, đánh giá bảo mật hệ thống CNTT thông qua các cuộc kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) và mô phỏng tấn công mạng (Red Team).
 - Tổ chức đào tạo nội bộ về an toàn thông tin, nâng cao nhận thức cho nhân viên thông qua các chương trình đào tạo thực tế và mô phỏng các tình huống tấn công mạng.
- Nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán năm 2024 và sẵn sàng kết nối KRX
- Phát triển và triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán mới, tối ưu hóa hiệu suất xử lý lệnh và cải thiện trải nghiệm giao dịch trực tuyến.
 - Chuẩn bị sẵn sàng cho việc kết nối với hệ thống KRX, đảm bảo khả năng tương thích với mô hình thị trường mới, đồng thời nâng cấp hệ thống giao dịch và bù trừ để đáp ứng các yêu cầu vận hành của KRX.
 - Tăng cường năng lực xử lý dữ liệu và mở rộng hệ thống máy chủ để hỗ trợ khối lượng giao dịch lớn khi hệ thống KRX đi vào hoạt động.

Với định hướng phát triển bền vững và tiên phong trong công nghệ, KAFI cam kết tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng CNTT, nâng cao bảo mật hệ thống và cập nhật các giải pháp giao dịch hiện đại nhất, mang đến môi trường giao dịch an toàn, ổn định và hiệu quả cho khách hàng.

6.3 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ		3.576.048	2,384	14.086.160	2,817	Mua/chuyển nhượng cổ phần và mua cổ phần để tăng vốn điều lệ

6.4 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

	Giao dịch cho vay, giao dịch vay vốn và giao dịch giấy tờ có giá	Phí giao dịch chứng khoán
Giá trị	665.509.635.460	2.803.977.467
Số lượng	423	-

6.5 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty đối với công ty chứng khoán.

6.6 Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính được kiểm toán: đính kèm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ QUANG TRUNG



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 54

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 8 tháng 1 năm 2025. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đã được cấp đổi theo Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 97/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán này, Công ty được cung cấp các dịch vụ tài chính theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Hà Hoàng Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Mai Hiền Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Xuân Cảnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Ông Diệp Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm vào ngày lập báo cáo này là ông Lê Quang Trung, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trịnh Thanh Cần, chức danh Tổng Giám đốc, được ủy quyền bởi ông Lê Quang Trung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 1166.23 ngày 8 tháng 5 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 13643094/68240572

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.979.411.239.465	6.478.312.642.158
110	I. Tài sản tài chính		15.971.043.376.698	6.473.575.416.412
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền		943.853.805.739	808.014.469.731
111.1	1.1 Tiền	5	943.853.805.739	808.014.469.731
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	8.879.977.286.879	4.565.044.351.400
114	3. Các khoản cho vay	7.3	5.359.626.310.079	1.095.666.721.549
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.2	659.893.429.440	-
117	5. Các khoản phải thu		123.523.360.613	2.500.000.000
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	8	-	2.500.000.000
117.2	5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	123.523.360.613	-
117.4	5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		123.523.360.613	-
118	6. Trả trước cho người bán	8	3.618.700.453	236.063.052
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	542.061.092	393.865.041
122	8. Các khoản phải thu khác	8	8.422.403	4.219.945.639
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	-	(2.500.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		8.367.862.767	4.737.225.746
131	1. Tạm ứng		990.536.590	400.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.377.326.177	4.337.225.746
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		75.519.872.765	49.682.598.295
220	I. Tài sản cố định		38.775.236.453	32.934.018.979
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	20.144.721.135	15.459.737.076
222	1.1 Nguyên giá		29.289.009.683	20.665.445.683
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(9.144.288.548)	(5.205.708.607)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	18.630.515.318	17.474.281.903
228	2.1 Nguyên giá		33.429.781.949	28.392.661.949
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(14.799.266.631)	(10.918.380.046)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.859.367.936	1.876.155.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		29.885.268.376	14.872.424.316
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	5.748.215.200	3.362.758.640
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.837.346.484	9.437.732.816
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	4.299.706.692	2.071.932.860
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.054.931.112.230	6.527.995.240.453

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.783.098.168.023	4.894.491.448.784
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		10.775.770.456.643	4.879.110.533.380
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	15	10.474.141.414.995	4.820.688.288.601
312	1.1 Vay ngắn hạn		10.474.141.414.995	4.820.688.288.601
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	3.166.165.563	743.376.805
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		559.410.800	1.816.079.323
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	70.815.456.198	19.557.174.693
323	5. Phải trả người lao động		7.918.716.270	7.703.000.000
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	44.164.553.306	26.878.903.960
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	175.004.739.511	1.723.709.998
340	II. Nợ phải trả dài hạn		7.327.711.380	15.380.915.404
356	1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	20	7.327.711.380	15.380.915.404
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.271.832.944.207	1.633.503.791.669
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.2	5.271.832.944.207	1.633.503.791.669
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.000.000.000.000	1.500.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		5.000.000.000.000	1.500.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		5.000.000.000.000	1.500.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(904.164.384)	-
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối	21.1	272.737.108.591	133.503.791.669
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		242.522.098.688	66.675.442.816
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		30.215.009.903	66.828.348.853
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.054.931.112.230	6.527.995.240.453

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		9.436.323.322	6.936.323.322
005	2. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)		486,69	9.391,77
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	21.2	500.000.000	150.000.000
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSDC") của CTCK	22.1	2.148.262.000.000	726.136.000.000
	4.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.135.262.000.000	326.136.000.000
	4.2 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.013.000.000.000	400.000.000.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	22.2	100.015.800.000	100.000.000.000
	5.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		100.015.800.000	100.000.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	22.3	10.873.643.280.000	2.669.524.660.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.474.094.030.000	2.249.453.640.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		11.488.580.000	359.280.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		332.000.000.000	387.523.790.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	10.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		56.060.670.000	22.187.950.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22.4	163.369.420.000	102.137.930.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.899.520.000	26.481.250.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		152.469.900.000	75.656.680.000
026	3. Tiền gửi của Nhà đầu tư	22.5	355.350.735.855	153.482.131.912
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		355.350.735.855	153.482.131.912
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.6	355.350.735.855	153.482.131.912
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		352.883.523.012	147.720.528.225
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.467.212.843	5.761.603.687


 Ông Cao Trọng Nhân
Người lập


 Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán Trưởng



 Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		606.078.565.572	388.539.717.147
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	347.002.719.491	236.614.303.538
01.2	1.2 (Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(43.124.508.350)	80.028.102.951
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.3	302.200.354.431	71.897.310.658
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.3	260.243.652.528	69.982.240.526
04	3. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	23.3	681.095.892	-
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		87.571.519.180	24.548.655.240
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.216.205.836	751.659.482
10	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		300.000.000	700.000.000
11	7. Thu nhập hoạt động khác		181.834.363	78.590.684
20	Cộng doanh thu hoạt động		957.272.873.371	484.600.863.079
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		(116.082.486.296)	(72.060.327.581)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	(113.292.450.028)	(67.984.746.703)
21.2	1.2 Tăng chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(1.314.629.248)	(3.122.479.953)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(1.475.407.020)	(953.100.925)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	(60.317.933.105)	-
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	25	(12.671.505.381)	(11.622.325.978)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26	(95.296.084.864)	(19.914.339.336)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	27	(2.568.717.633)	(845.511.702)
40	Cộng chi phí hoạt động		(286.936.727.279)	(104.442.504.597)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	28	10.188.581.152	3.326.812
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	28	3.785.414.578	1.221.673.982
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		13.973.995.730	1.225.000.794
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	29	(9.352.178.176)	(50.547)
52	2. Chi phí lãi vay		(302.124.904.504)	(147.190.480.675)
60	Cộng chi phí tài chính		(311.477.082.680)	(147.190.531.222)

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	30	(116.002.260.583)	(73.722.885.435)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		256.830.798.559	160.469.942.619
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		26.718.970	16.607.017
72	2. Chi phí khác		(195.529.602)	(18.434.626)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(168.810.632)	(1.827.609)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		256.661.987.927	160.468.115.010
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		301.101.125.525	83.562.492.012
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(44.439.137.598)	76.905.622.998
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	31	(53.208.725.366)	(32.269.010.578)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(61.035.888.294)	(16.888.095.174)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		7.827.162.928	(15.380.915.404)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		203.453.262.561	128.199.104.432
300	XI. LỖ TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	32	(904.164.384)	-
	1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(904.164.384)	-
400	Tổng lỗ toàn diện khác		(904.164.384)	-
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		203.453.262.561	128.199.104.432
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	34	881	1.061
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	34	881	1.061

Ông Cao Trọng Nhân
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán Trưởng

Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
48	- Giảm phải trả người lao động		215.716.270	6.365.249.999
50	- Tăng phải trả, phải nộp khác		115.385.885.166	1.879.734.449
52	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(1.540.810.465)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.938.980.711.632)	(3.663.224.710.836)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(18.643.896.936)	(17.876.078.221)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		10.818.182	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(18.633.078.754)	(17.876.078.221)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.500.000.000.000	500.000.000.000
73	2. Tiền vay gốc		144.315.399.786.724	82.386.534.472.450
73.2	1.1 Tiền vay khác		144.315.399.786.724	82.386.534.472.450
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(138.661.946.660.330)	(78.525.482.210.419)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc vay khác		(138.661.946.660.330)	(78.525.482.210.419)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(60.000.000.000)	(10.780.054.361)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.093.453.126.394	4.350.272.207.670
90	TIỀN THUẦN TRONG NĂM		135.839.336.008	669.171.418.613
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	808.014.469.731	138.844.097.096
101.1	1. Tiền		808.014.469.731	138.844.097.096
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.045.978)
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	943.853.805.739	808.014.469.731
103.1	1. Tiền		943.853.805.739	808.014.469.731

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		33.769.290.459.450	11.405.250.561.760
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(41.945.036.000.470)	(11.832.503.132.290)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		55.360.959.111.671	21.594.675.417.152
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(47.298.848.905.587)	(21.170.554.555.537)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.873.535.072)	(601.409.129)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		317.377.473.951	138.414.241.890
20	Tăng tiền thuần trong năm		201.868.603.943	134.681.123.846
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	22.5	153.482.131.912	18.801.008.066
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		153.482.131.912	18.801.008.066
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		153.482.131.912	18.801.008.066
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	22.5	355.350.735.855	153.482.131.912
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		355.350.735.855	153.482.131.912
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		355.350.735.855	153.482.131.912

Ông Cao Trọng Nhân
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán Trưởng

Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

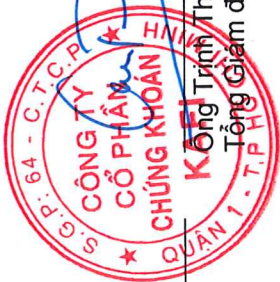
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Thuyết minh	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Năm trước		Năm nay	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND		Tăng VND	Giảm VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	1.500.000.000.000	5.000.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông		1.000.000.000.000	1.500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	1.500.000.000.000	5.000.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	(904.164.384)	-	(904.164.384)
3. Lợi nhuận chưa phân phối		16.084.741.598	133.503.791.669	128.199.104.432	(10.780.054.361)	203.453.262.561	133.503.791.669	272.737.108.591
- Lợi nhuận đã thực hiện		10.780.054.361	66.675.442.816	66.675.442.816	(10.780.054.361)	240.066.601.511	66.675.442.816	242.522.098.688
- Lợi nhuận chưa thực hiện		5.304.687.237	66.828.348.853	61.523.661.616	-	(36.613.338.950)	66.828.348.853	30.215.009.903
TỔNG CỘNG	21	1.016.084.741.598	1.633.503.791.669	628.199.104.432	(10.780.054.361)	3.703.453.262.561	1.633.503.791.669	5.271.832.944.207
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC								
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sản sinh để bán		-	-	-	-	-	-	(904.164.384)
TỔNG CỘNG	33	-	-	-	-	-	-	(904.164.384)


Ông Cao Trọng Nhân
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán Trưởng


Ông Trịnh Thanh Cẩn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09a-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 8 tháng 1 năm 2025. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đã được cấp đổi theo Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 97/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán này, Công ty được cung cấp các dịch vụ tài chính theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 290 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 115 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 5.271.832.944.207 VND và tổng tài sản là 16.054.931.112.230 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.500.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.633.503.791.669 VND và tổng tài sản là 6.527.995.240.453 VND).

Mục tiêu đầu tư

Cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính chuyên nghiệp nhằm đóng góp vào sự phát triển thị trường tài chính. Tiên phong trong việc phát triển các giải pháp công nghệ số trong lĩnh vực tài chính nhằm đem đến cho khách hàng trải nghiệm thuận tiện và an toàn. Hướng đến sự phát triển bền vững nhằm đảm bảo giá trị cho khách hàng, nhân viên, đối tác, cổ đông và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ("Thông tư 121") ngày 31 tháng 12 năm 2020 và khoản 3 Điều 3 Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi bổ sung Thông tư 121 về quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu Chính phủ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS*" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với trái phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được đánh giá lại theo giá trị ghi sổ tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán, công cụ tài chính khác không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48.

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS cuối tháng.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên chỉ tiêu "*Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán*" thuộc phần "*Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN*".

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án, đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do nhượng bán, thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 20 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

4.14 Thuê tài sản

Việc xác định một thoả thuận có phải là thoả thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thoả thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thoả thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thoả thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng; và
- ▶ Chi phí bản quyền phần mềm văn phòng và chi phí dịch vụ duy trì hệ thống; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí liên quan đến phần mềm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.16 Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo tài chính.

4.17 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.26 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

4.27 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.29 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	943.853.805.739	808.014.469.731

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	468.893.044	191.604.200.292.036
- Cổ phiếu	100.535.804	2.745.262.777.300
- Trái phiếu	367.529.114	48.616.223.282.410
- Chứng khoán khác	828.126	140.242.714.232.326
b. Của nhà đầu tư	3.146.699.049	82.602.187.424.900
- Cổ phiếu	3.095.820.221	82.577.346.422.800
- Chứng khoán khác	50.878.828	24.841.002.100
	3.615.592.093	274.206.387.716.936

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	560.658.004.021	599.092.752.000	58.530.575.000	59.682.540.000
Trái phiếu niêm yết	150.010.500.000	149.346.924.658	2.044.000.000	2.014.827.397
Trái phiếu chưa niêm yết của TCTD (i)	1.086.813.104.830	1.086.813.104.830	836.196.292.895	843.773.084.057
Giấy tờ có giá và tiền gửi có kỳ hạn (ii)	7.044.724.505.391	7.044.724.505.391	3.586.063.173.270	3.659.573.899.946
	8.842.206.114.242	8.879.977.286.879	4.482.834.041.165	4.565.044.351.400

- (i) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 850 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 850.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.
- (ii) Bao gồm trong giấy tờ có giá thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là các giấy tờ có giá được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty, với tổng mệnh giá là 4.122.000.000.000 và giá trị mệnh giá hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty là 810.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu niêm yết	453.679.500.000	452.549.294.520	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết của Tổ chức tín dụng (i)	207.344.134.920	207.344.134.920	-	-
	661.023.634.920	659.893.429.440	-	-

- (i) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính AFS tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 163 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 163.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (ii)	5.322.861.758.228	5.322.861.758.228	1.087.402.457.523	1.087.402.457.523
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (iii)	36.764.551.851	36.764.551.851	8.264.264.026	8.264.264.026
	5.359.626.310.079	5.359.626.310.079	1.095.666.721.549	1.095.666.721.549

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay (nếu có).
- (ii) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 6.038.581.230.000 đồng và 1.350.539.110.000 đồng, giá thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 12.793.043.832.680 đồng và 2.857.055.750.600 đồng.
- (iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng			Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Mức trích lập dự phòng trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND		
Các khoản cho vay					
Cho vay hoạt động ký quỹ	5.322.861.758.228	5.322.861.758.228	-	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	36.764.551.851	36.764.551.851	-	-	-
	5.359.626.310.079	5.359.626.310.079	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	2.500.000.000
- <i>Phải thu bán chứng khoán chưa niêm yết (i)</i>	-	2.500.000.000
Trả trước cho người bán	3.618.700.453	236.063.052
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	542.061.092	393.865.041
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	123.523.360.613	-
Các khoản phải thu khác	8.422.403	4.219.945.639
Dự phòng phải thu khó đòi (i)	-	(2.500.000.000)
	127.692.544.561	4.849.873.732

(i) Đây là khoản phải thu tiền bán chứng khoán chưa niêm yết từ một cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 31 tháng 8 năm 2014. Do khoản phải thu nói trên đã quá hạn nhiều năm không có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho khoản phải thu này. Công ty đã xóa nợ khoản này theo đề xuất số 1533120/01.02 ngày 30/12/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1239.2024.BOD(2) ngày 25/12/2024.

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi			Dự phòng		
	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Sử dụng dự phòng trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Sử dụng dự phòng trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu bán chứng khoán chưa niêm yết						
- Lê Mươi	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

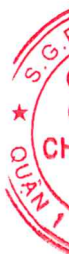
9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.377.326.177	4.337.225.746
- Chi phí thuê văn phòng	2.201.288.859	1.500.810.465
- Bản quyền phần mềm văn phòng và phí dịch vụ duy trì hệ thống	3.538.919.541	1.440.234.224
- Các chi phí khác	1.637.117.777	1.396.181.057
Chi phí trả trước dài hạn	19.837.346.484	9.437.732.816
- Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng	12.949.960.705	5.429.692.345
- Chi phí vật dụng văn phòng	5.465.959.772	2.377.571.649
- Chi phí liên quan đến phần mềm	1.117.094.716	833.114.618
- Các chi phí khác	304.331.291	797.354.204
	27.214.672.661	13.774.958.562

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.681.156.820	17.984.288.863	20.665.445.683
Tăng trong năm	222.283.000	8.401.281.000	8.623.564.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.903.439.820	26.385.569.863	29.289.009.683
Khấu hao lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	60.061.756	5.145.646.851	5.205.708.607
Khấu hao trong năm	912.678.861	3.025.901.080	3.938.579.941
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	972.740.617	8.171.547.931	9.144.288.548
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.621.095.064	12.838.642.012	15.459.737.076
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.930.699.203	18.214.021.932	20.144.721.135

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.024.700.100 đồng (31 tháng 12 năm 2023: 1.243.158.900 đồng).



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Bản quyền VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	25.121.179.663	2.653.298.000	618.184.286	28.392.661.949
Tăng trong năm	5.037.120.000	-	-	5.037.120.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	30.158.299.663	2.653.298.000	618.184.286	33.429.781.949
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	9.920.660.329	953.183.862	44.535.855	10.918.380.046
Hao mòn trong năm	3.433.350.401	323.899.332	123.636.852	3.880.886.585
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	13.354.010.730	1.277.083.194	168.172.707	14.799.266.631
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	15.200.519.334	1.700.114.138	573.648.431	17.474.281.903
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	16.804.288.933	1.376.214.806	450.011.579	18.630.515.318

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.089.830.663 đồng (31 tháng 12 năm 2023: 4.973.530.663 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển phần mềm	3.250.000.000	-
Chi phí phát triển hệ thống	3.609.367.936	1.876.155.000
	6.859.367.936	1.876.155.000

13. CÀM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc thuê văn phòng	5.441.215.200	3.132.758.640
Khác	307.000.000	230.000.000
	5.748.215.200	3.362.758.640

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.179.706.692	1.951.932.860
	4.299.706.692	2.071.932.860

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số tất toán trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay thấu chi	4,70 - 5,20	358.000.000.000	74.944.651.486.442	(75.302.651.486.442)	-
Vay ngắn hạn					
- Vay ngân hàng (i)	2,25 - 6,80	2.374.000.000.000	19.807.955.000.000	(15.867.055.000.000)	6.314.900.000.000
- Vay khác (ii)	2,55 - 8,25	2.088.688.288.601	49.562.793.300.282	(47.492.240.173.888)	4.159.241.414.995
		4.820.688.288.601	144.315.399.786.724	(138.661.946.660.330)	10.474.141.414.995

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư thể hiện các khoản vay từ các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn dưới 1 năm theo hợp đồng vay, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu chưa niêm yết với tổng mệnh giá 1.013.000.000.000 đồng, giấy tờ có giá với tổng mệnh giá 4.122.000.000.000 đồng và tiền gửi có kỳ hạn với tổng mệnh giá 810.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu chưa niêm yết với tổng mệnh giá 500.000.000.000 đồng, giấy tờ có giá với tổng mệnh giá 2.642.000.000.000 đồng và tiền gửi có kỳ hạn với tổng mệnh giá 200.000.000.000 đồng) đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh 7.1).

(ii) Đây là khoản vay từ các tổ chức và cá nhân theo các gói giao dịch K-Wealth và vay bên thứ ba với thời hạn vay tối đa là 365 ngày, lãi được tính dựa trên số ngày vay thực tế. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.581.940.321	570.376.201
Phải trả quyền mua chứng khoán phát hành thêm	231.750.000	88.284.000
Phải trả phí lưu ký	352.475.242	84.716.604
	3.166.165.563	743.376.805

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.852.599.498	61.035.888.294	(16.852.599.498)	61.035.888.294
Thuế giá trị gia tăng	646.754	19.550.465	(17.658.354)	2.538.865
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	1.978.634.274	76.976.316.545	(70.801.515.015)	8.153.435.804
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	725.294.167	19.036.746.505	(18.155.079.010)	1.606.961.662
Thuế nhà thầu	-	576.168.217	(559.536.644)	16.631.573
Thuế môn bài, phí và lệ phí khác	-	142.758.947	(142.758.947)	-
	19.557.174.693	157.787.428.973	(106.529.147.468)	70.815.456.198

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	43.430.657.542	26.211.377.694
Chi phí phải trả khác	733.895.764	667.526.266
	44.164.553.306	26.878.903.960

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch ký quỹ chờ xử lý	173.696.124.773	-
Phải trả khách hàng các khoản tiền nộp sau giờ giao dịch	277.846.613	1.723.609.998
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.030.768.125	100.000
	175.004.739.511	1.723.709.998

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUẾ TNDN HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế		
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	37.771.172.637	76.905.622.998
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(1.130.205.480)	-
Chênh lệch đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	(2.410.258)	(1.045.978)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	7.327.711.380	15.380.915.404

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện	242.522.098.688	66.675.442.816
Lợi nhuận chưa thực hiện	30.215.009.903	66.828.348.853
	272.737.108.591	133.503.791.669

21.2 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.500.000.000.000	133.503.791.669	-	1.633.503.791.669
Tăng vốn trong năm (i)	3.500.000.000.000	-	-	3.500.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	203.453.262.561	-	203.453.262.561
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	(904.164.384)	(904.164.384)
Chia cổ tức bằng tiền (ii)	-	(60.000.000.000)	-	(60.000.000.000)
Giảm khác (iii)	-	(4.219.945.639)	-	(4.219.945.639)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.000.000.000.000	272.737.108.591	(904.164.384)	5.271.832.944.207

- (i) Bổ sung tăng Vốn góp của chủ sở hữu thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1003.2023.GSM ngày 22 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng ĐHĐCĐ số 1003.2024.GSM ngày 21 tháng 11 năm 2024, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 97/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 8 tháng 1 năm 2025.
- (ii) Theo Quyết định Chủ tịch Hội đồng quản trị số 0952.2024.BOD ngày 22 tháng 4 năm 2024, quyết định phê duyệt chi trả cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 60.000.000.000 đồng.
- (iii) Trong năm, Công ty điều chỉnh 4.219.945.639 đồng cho phần cổ tức bằng tiền mặt đã phân phối vượt của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1001.2024.GSM ngày 9 tháng 4 năm 2024.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết vốn cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<i>Số lượng cổ phần Đơn vị</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
Gentle Sun Investments Limited	100.000.000	1.000.000.000.000	20,00
Các cổ đông khác	400.000.000	4.000.000.000.000	80,00
	500.000.000	5.000.000.000.000	100,00

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	<i>Số cuối năm Đơn vị</i>	<i>Số đầu năm Đơn vị</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	150.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>500.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	500.000.000	150.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>500.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000.000	150.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>500.000.000</i>	<i>150.000.000</i>

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

22.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK*

	<i>Theo mệnh giá</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.135.262.000.000	326.136.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.013.000.000.000	400.000.000.000
	2.148.262.000.000	726.136.000.000

22.2 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK*

	<i>Theo mệnh giá</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	100.015.800.000	100.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	10.474.094.030.000	2.249.453.640.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	11.488.580.000	359.280.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	332.000.000.000	387.523.790.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	10.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	56.060.670.000	22.187.950.000
	10.873.643.280.000	2.669.524.660.000

22.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.899.520.000	26.481.250.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	152.469.900.000	75.656.680.000
	163.369.420.000	102.137.930.000

22.5 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	352.883.523.012	147.720.528.225
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.467.212.843	5.761.603.687
	355.350.735.855	153.482.131.912

22.6 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	352.883.523.012	147.720.528.225
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.467.212.843	5.761.603.687
	355.350.735.855	153.482.131.912

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

23.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	347.002.719.491	236.614.303.538
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(113.292.450.028)	(67.984.746.703)
	233.710.269.463	168.629.556.835

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	37.839.086	1.152.385.408.900	1.088.796.750.159	63.588.658.741	194.050.760
2	Trái phiếu niêm yết	177.989.272	18.945.708.285.120	18.925.335.263.062	20.373.022.058	-
3	Trái phiếu chưa niêm yết	2.290.060	4.861.832.056.710	4.807.237.033.901	54.595.022.809	31.289.626.226
4	Giấy tờ có giá và tiền gửi có kỳ hạn	410.606	68.383.299.513.937	68.288.145.948.082	95.153.565.855	137.145.879.849
		218.529.024	93.343.225.264.667	93.109.514.995.204	233.710.269.463	168.629.556.835

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	302.200.354.431	71.897.310.658
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	260.243.652.528	69.982.240.526
Tiền lãi từ tài sản tài chính AFS	681.095.892	-
	563.125.102.851	141.879.551.184

24. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	60.317.933.105	-

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	7.372.139.795	5.645.966.141
Chi phí giao dịch	4.073.630.000	1.743.665.000
Chi phí thuê văn phòng	931.521.397	1.377.224.028
Chi phí khấu hao TSCĐ	144.714.189	2.755.470.810
Chi phí khác	149.500.000	99.999.999
	12.671.505.381	11.622.325.978

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	60.469.377.669	7.005.406.777
Chi phí giao dịch chứng khoán	23.147.769.073	10.326.196.715
Chi phí thuê văn phòng	8.857.770.262	969.582.491
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.880.490.343	737.754.309
Chi phí khác	940.677.517	875.399.044
	95.296.084.864	19.914.339.336

27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.543.717.633	845.511.702
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	25.000.000	-
	2.568.717.633	845.511.702

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	10.188.581.152	3.326.812
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.785.414.578	1.221.673.982
	13.973.995.730	1.225.000.794

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	9.352.178.176	50.547
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	127.632.124.065	90.328.668.905
Chi phí lãi vay từ bên thứ ba	174.492.780.439	56.861.811.770
	311.477.082.680	147.190.531.222



Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	68.188.981.442	50.416.881.122
Chi phí thuê văn phòng	8.382.726.964	6.657.932.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.672.106.242	6.630.888.196
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	11.294.659.198	5.852.432.527
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.794.261.994	1.522.483.214
Chi phí quảng cáo	5.670.326.465	2.463.740.566
Chi phí khác	999.198.278	178.527.684
	116.002.260.583	73.722.885.435

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

Tổng chi phí thuế TNDN của Công ty trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.035.888.294	16.888.095.174
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(7.827.162.928)	15.380.915.404
	53.208.725.366	32.269.010.578

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	256.661.987.927	160.468.115.010
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	51.332.397.585	32.093.623.002
Các khoản điều chỉnh tăng	9.703.490.709	175.596.772
Chi phí hoạt động không được khấu trừ	815.663.189	175.387.576
Giảm đánh giá tăng TSTC FVTPL	7.827.162.928	-
Điều chỉnh tăng khác	1.060.664.592	209.196
Các khoản điều chỉnh giảm	-	15.381.124.600
Tăng đánh giá tăng TSTC FVTPL	-	15.381.124.600
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.035.888.294	16.888.095.174
Thuế TNDN phải trả đầu năm	16.852.599.498	1.722.526.194
Thuế TNDN phải nộp trong năm	61.035.888.294	16.888.095.174
Thuế TNDN đã trả trong năm	(16.852.599.498)	(1.758.021.870)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	61.035.888.294	16.852.599.498

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và tỷ giá hối đoái	7.553.752.476	15.380.915.404	(7.827.162.928)	15.380.915.404

32. LỖ KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh VND	Số cuối năm VND
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	-	(904.164.384)	-	(904.164.384)

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(904.164.384)	-
	(904.164.384)	-

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	203.453.262.561	128.199.104.432
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	231.010.929	120.821.918
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	881	1.061

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt Nhân sự quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ban Tổng Giám đốc	Doanh thu môi giới	34.585.916	20.607.880
	Doanh thu lưu ký	212.579	170.081
	Thu từ đi vay	79.337.189.584	101.682.139.734
	Chi trả vay	93.633.611.967	95.771.043.087
	Chi phí lãi vay	504.517.442	552.108.505
	Góp vốn trong năm	54.176.120.000	5.645.160.000
	Lương và các quyền lợi gộp khác	6.595.938.687	6.689.686.291
Hội đồng Quản trị	Doanh thu môi giới	13.583.520	20.246.823
	Doanh thu lưu ký	2.546.982	2.375.774
	Thu từ đi vay	36.471.003.332	23.157.464.487
	Chi trả vay	29.606.235.313	22.628.832.799
	Chi phí lãi vay	319.253.769	37.541.259
	Góp vốn trong năm	43.925.000.000	-
	Lương và các quyền lợi gộp khác	3.000.000.000	2.100.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	
		<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ban Tổng Giám đốc	Phải thu các dịch vụ chứng khoán	1.307	4.995
	Đi vay	2.604.636.412	17.223.668.616
	Lãi vay trích trước	15.019.371	88.467.110
	Vốn góp	71.111.600.000	16.935.480.000
Hội đồng Quản trị	Phải thu các dịch vụ chứng khoán	825.266	630.407
	Đi vay	4.796.419.291	682.391.444
	Lãi vay trích trước	8.632.888	5.919.170
	Vốn góp	62.750.000.000	18.825.000.000

35.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Đến 1 năm	18.337.675.835	12.643.485.300
Từ 1 đến 5 năm	19.465.047.620	10.534.382.485
	37.802.723.455	23.177.867.785

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết thuộc danh mục các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Công ty là 599.092.752.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 59.682.540.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 59.909.275.200 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.968.254.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 59.909.275.200 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.968.254.000 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có bậc tín nhiệm cao. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ứng trước tiền bán chứng khoán

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phát sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phát sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tính dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

Các khoản cho vay ký quỹ

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ khi ký kết các hợp đồng ký quỹ, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như trình bày tại *Thuyết minh số 8*. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu quá hạn này theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm					Tổng cộng VND	
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND		Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		Bị suy giảm giá trị VND
Tiền	943.853.805.739	-	-	-	-	-	943.853.805.739	
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.879.977.286.879	-	-	-	-	-	8.879.977.286.879	
Các khoản cho vay	5.359.626.310.079	-	-	-	-	-	5.359.626.310.079	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	659.893.429.440	-	-	-	-	-	659.893.429.440	
Các khoản phải thu	123.523.360.613	-	-	-	-	-	123.523.360.613	
Tài sản tài chính khác	6.298.698.695	-	-	-	-	-	6.298.698.695	
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	542.061.092	-	-	-	-	-	542.061.092	
- Các khoản phải thu khác	8.422.403	-	-	-	-	-	8.422.403	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước dài hạn	5.748.215.200	-	-	-	-	-	5.748.215.200	
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	4.299.706.692	-	-	-	-	-	4.299.706.692	
	15.977.472.598.137	-	-	-	-	-	15.977.472.598.137	

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Trên 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền	-	943.853.805.739	-	-	-	943.853.805.739
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	8.879.977.286.879	-	-	-	8.879.977.286.879
Các khoản cho vay	-	-	5.359.626.310.079	-	-	5.359.626.310.079
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	659.893.429.440	-	-	659.893.429.440
Các khoản phải thu	-	123.523.360.613	-	-	-	123.523.360.613
Phải thu các dịch vụ	-	-	542.061.092	-	-	542.061.092
CTCK cung cấp	-	-	8.422.403	-	-	8.422.403
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	5.748.215.200	-	5.748.215.200
Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	4.299.706.692	-	-	-	4.299.706.692
	-	9.951.654.159.923	6.020.070.223.014	5.748.215.200	-	15.977.472.598.137

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

NỢ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	-	-	10.474.141.414.995	-	-	-	10.474.141.414.995
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	3.166.165.563	-	-	-	3.166.165.563
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	559.410.800	-	-	-	559.410.800
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	44.164.553.306	-	-	-	44.164.553.306
Phải trả khác	-	-	175.004.739.511	-	-	-	175.004.739.511
	-	-	10.697.036.284.175	-	-	-	10.697.036.284.175
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	9.951.654.159.923	(4.676.966.061.161)	5.748.215.200	-	-	5.280.436.313.962

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Ông Cao Trọng Nhân
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thu Nhi
Kế toán Trưởng


Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

